

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BẮC QUANG  
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2023/HS-ST  
Ngày 16-02-2023

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC QUANG, TỈNH HÀ GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*

Ông Hà Tuấn Vĩnh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Lăng Đức Quang

Ông Nguyễn Hồng Diện

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hà Thị Chũ, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Mai Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 03/2023/TLST-HS ngày 04 tháng 01 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2023/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 02 năm 2023 đối với các bị cáo:

**1. Lý Văn K**, sinh ngày 05 tháng 6 năm 1967 tại huyện Q, tỉnh Hà Giang. Nơi cư trú: Thôn P, xã H, huyện Q, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 7/10; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; Đảng, đoàn thể: Là đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, bị đình chỉ sinh hoạt Đảng theo Quyết định số 100-QĐ/UBNDTHU ngày 17/01/2023 của Ủy ban kiểm tra Huyện ủy Bắc Quang; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; số căn cước công dân: 002067003598, cấp ngày 09/5/2021, nơi cấp: Cục CSQLHC về TTXH; con ông Lý Văn Đ (đã chết) và bà Đặng Thị C (đã chết); có vợ là Lý Thị T, sinh năm 1966; có 03 con, con lớn nhất sinh năm 1985, con nhỏ nhất sinh năm 1990; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không; hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

**2. Lý Văn Đ**, sinh ngày 24 tháng 4 năm 1982 tại huyện Q, tỉnh Hà Giang. Nơi cư trú: Thôn P, xã H, huyện Q, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; số căn cước công dân: 002082001628, cấp ngày 25/4/2021, nơi cấp: Cục CSQLHC về TTXH; con ông Lý Văn H (đã chết) và bà Bàn Thị T (đã chết); có vợ là Trương Thị T1, sinh năm 1988; có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2006, con nhỏ nhất sinh năm 2016; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không; hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

**3. Lý Văn D**, sinh ngày 18 tháng 4 năm 1980 tại huyện Q, tỉnh Hà Giang. Nơi cư trú: Thôn P, xã H, huyện Q, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 1/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; số căn cước công dân: 002080004544, cấp ngày 15/8/2021, nơi cấp: Cục CSQLHC về TTXH; con ông Lý Văn H (đã chết) và bà Bàn Thị T (đã chết); có vợ là Bàn Thị T3, sinh năm 1983; có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2000, con nhỏ nhất sinh năm 2014; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không; hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

**4. Lý Văn H**, sinh ngày 05 tháng 02 năm 1976 tại huyện Q, tỉnh Hà Giang. Nơi cư trú: Thôn P, xã H, huyện Q, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; số căn cước công dân: 002076005797, cấp ngày 25/6/2021, nơi cấp: Cục CSQLHC về TTXH; con ông Lý Văn Đ (đã chết) và bà Đặng Thị C (đã chết); có vợ là Bàn Thị N (đã chết); có 02 con, con lớn nhất sinh năm 1998, con nhỏ nhất sinh năm 2000; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không; hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

**5. Đặng Văn N**, sinh ngày 26 tháng 5 năm 1979 tại huyện Q, tỉnh Hà Giang. Nơi cư trú: Thôn I, xã H, huyện Q, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 1/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; số căn cước công dân: 002079007192, cấp ngày 09/5/2021, nơi cấp: Cục CSQLHC về TTXH; con ông Đặng Văn H, sinh năm 1953 và bà Trương Thị P, sinh năm 1960; có vợ là Lý Thị N, sinh năm 1977; có 02 con, con lớn nhất sinh năm 1996, con nhỏ nhất sinh năm 2010; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không; hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Lý Văn K*: Bà Vương Thị Minh H, sinh năm 1990 là trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hà Giang; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Lý Văn Đ*: Bà Bùi Thị H1, sinh năm 1986 là trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hà Giang; có mặt.

- *Bị hại*: Ông Trương Văn T, sinh năm 1969; nơi cư trú: Thôn M, xã H, huyện Q, tỉnh Hà Giang; có mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 1990, ông Trương Văn T và bà Lý Thị T1 (đã chết) sử dụng canh tác một thửa đất diện tích khoảng hơn 5000m<sup>2</sup>, địa chỉ thửa đất thuộc thôn P, xã H, huyện Q, tỉnh Hà Giang (thửa đất được Ủy ban nhân dân xã H cấp Sổ lâm bạ năm 1992, năm 2000 được Ủy ban nhân dân huyện Q cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q842514 cho hộ ông Trương Văn T). Trong quá trình sử dụng đất, vào năm 1996, ông T có trồng 2000 (hai nghìn) cây chè ươm bằng hạt, sau đó ông T chuyển đến thôn M, xã H sinh sống nhưng vẫn trực tiếp chăm sóc, thu hoạch chè hàng năm. Đến đầu năm 2018, ông Lý Văn H, sinh năm 1958 (đã chết năm 2021)

(ông Hảo là anh trai bà T1) trú tại thôn P, xã H có đơn gửi đến Ủy ban nhân dân xã H đề nghị giải quyết việc tranh chấp đất đai, yêu cầu ông T trả lại diện tích đất mà gia đình đã cho ông T mượn để canh tác. Đồng thời trong tháng 3 năm 2018, ông T tiếp tục trồng 400 (bốn trăm) cây keo non xen vào diện tích đất trồng cây chè. Quá trình giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất, Ủy ban nhân dân xã H đã tiến hành xác minh, hòa giải nhưng không thành.

Xuất phát từ việc tranh chấp đất đai nên khoảng 07 giờ 07/7/2018, sau khi Lý Văn K, sinh năm 1967 (em trai Lý Văn H) rủ Lý Văn Đ, Lý Văn D (con trai Lý Văn H), Lý Văn H (em trai K, Đặng Văn N (con rể Lý Văn H)) mang dao đi chặt phá cây chè và nhổ cây keo của ông Trương Văn T thì được Lý Văn Đ, Lý Văn D, Lý Văn H, Đặng Văn N đồng ý có mặt tại khu vực đất tranh chấp. Lúc này, Lý Văn K nói với Lý Văn Đ, Lý Văn D, Lý Văn H, Đặng Văn N sử dụng dao chặt sát gốc cây chè và phá toàn bộ cây keo do ông T trồng, không cho ông T chăm sóc, thu hoạch để lấy lại diện tích đất tranh chấp. Sau đó, Lý Văn Đ sử dụng 01 (một) con dao quắm chuôi gỗ dài khoảng 80cm, Lý Văn D sử dụng 01 (một) con dao quắm chuôi gỗ dài khoảng 40cm, Lý Văn H sử dụng 01 (một) con dao mũi bằng chuôi gỗ dài khoảng 40cm, Đặng Văn N sử dụng 01 (một) con dao quắm chuôi gỗ dài khoảng 70cm, trực tiếp chặt đứt các thân cây chè (chặt sát gốc) đối với 2000 (hai nghìn) cây chè, dùng tay nhổ 400 (bốn trăm) cây keo non khỏi mặt đất khiến cho toàn bộ số cây chè, cây keo chết không chăm sóc thu hoạch được. Các bị cáo chặt phá cây chè, cây keo đến khoảng 10 giờ cùng ngày thì ra về. Đến ngày 12/7/2018, sau khi Trương Văn T phát hiện và trình báo sự việc tới Ủy ban nhân dân xã H, chính quyền xã đã tiến hành lập biên bản kiểm đếm thiệt hại, cụ thể: số cây chè bị chặt là 2000 (hai nghìn) cây chè trên diện tích đất 2045m<sup>2</sup>, chủ yếu là chè Trung Du lẫn chè San Tuyết, đường kính gốc từ 03cm đến 08cm. Số cây keo bị nhổ là 400 (bốn trăm) cây, trồng được khoảng 03 tháng, đường kính gốc 01cm đến 02cm, giống keo lai ươm bằng hạt.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 18/KL-HĐĐGTS ngày 05 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Bắc Quang kết luận: 2000 (hai nghìn) cây chè (khoảng 22 năm tuổi), đường kính gốc từ 03cm đến 08cm, loại chè Trung Du và chè San Tuyết có giá trị 25.000.000đ (hai mươi lăm triệu đồng); 400 (bốn trăm) cây keo (khoảng 03 tháng tuổi), đường kính gốc 01cm đến 02cm, giống keo lai ươm bằng hạt có giá trị 3.200.000đ (ba triệu hai trăm nghìn đồng). Tổng giá trị thiệt hại là 28.200.000đ (hai mươi tám triệu hai trăm nghìn đồng).

Với hành vi trên, tại Cáo trạng số: 05/CT - VKSBQ ngày 03/01/2022 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang đã truy tố các bị cáo Lý Văn K, Lý Văn Đ, Lý Văn D, Lý Văn H, Đặng Văn N về tội "Hủy hoại tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 178 của Bộ luật Hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên toà, các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu.

Trên cơ sở phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà

Giang vẫn giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo về tội "Hủy hoại tài sản" và đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Áp dụng khoản 1 Điều 178; Điều 17, Điều 65, Điều 50, Điều 58 điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Lý Văn K từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú để giám sát giáo dục trong thời gian thử thách, trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Luật thi hành án hình sự năm 2019.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 178; Điều 17, Điều 36, Điều 50, Điều 58, điểm i, b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự xử phạt các bị cáo Lý Văn Đ, Lý Văn D, Lý Văn H, Đặng Văn N từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm cải tạo không giam giữ. Thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ của các bị cáo Lý Văn Đ, Lý Văn D, Lý Văn H, Đặng Văn N tính từ ngày cơ quan giám sát, giáo dục nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao các bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã, Vĩnh Hảo, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo. Trường hợp người chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ đi khỏi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Các bị cáo Lý Văn Đ, Lý Văn D, Lý Văn H, Đặng Văn N là lao động tự do, thu nhập không ổn định, nên miễn khấu trừ thu nhập theo quy định tại khoản 3 Điều 36 của Bộ luật Hình sự. Trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ, các bị cáo Lý Văn Đ, Lý Văn D, Lý Văn H, Đặng Văn N phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ. Thời gian lao động phục vụ cộng đồng không quá 04 giờ trong 01 ngày và không quá 05 ngày trong một tuần.

Hình phạt bổ sung: Các bị cáo Lý Văn K, Lý Văn Đ, Lý Văn D, Lý Văn H, Đặng Văn N là lao động tự do, không có thu nhập ổn định, không có tài sản riêng có giá trị. Do đó, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo. Các bị cáo Lý Văn K, Lý Văn Đ, Đặng Văn N được miễn án phí theo quy định của pháp luật; các bị cáo Lý Văn D, Lý Văn H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự: Sau khi sự việc xảy ra, bị hại và các bị cáo không thỏa thuận được mức bồi thường. Tuy nhiên tại phiên tòa bị hại và các bị cáo đã thống nhất thỏa thuận được việc bồi thường, mức thỏa thuận các bị cáo phải bồi thường cho bị hại số tiền là 54.000.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu này là hợp pháp cần áp dụng khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự và các Điều 584, 585, 586, 587, 589 của Bộ luật Dân sự, ghi nhận sự thỏa thuận giữa các bị cáo và bị hại về phần bồi thường, sự thỏa thuận này là tự nguyện phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

Về vật chứng: Đối với 04 (bốn) con dao là công cụ các bị cáo Lý Văn Đ, Lý Văn D, Lý Văn H, Đặng Văn N khai nhận sử dụng để chặt phá cây chè hiện các bị cáo không nhớ đã vứt bỏ ở đâu nên quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra

Công an huyện Bắc Quang không thu giữ được vật chứng. Do vậy không đề cập xử lý.

Phần tranh tụng tại phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo Lý Văn K và Lý Văn Đ thừa nhận hành vi phạm tội của các bị cáo là vi phạm pháp luật, bị truy tố để đưa ra xét xử là đúng, nhằm răn đe, giáo dục kịp thời các bị cáo để các bị cáo lấy đó làm bài học trở thành người công dân tốt. Tuy nhiên, sau khi sự việc xảy ra, Lý Văn K và Lý Văn Đ cùng các bị cáo khác đã liên đới bồi thường cho bị hại số tiền 28.200.000<sup>d</sup> (*Hai mươi tám triệu hai trăm nghìn đồng*). Các bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, các bị cáo là dân tộc thiểu số, gia đình thuộc hộ cận nghèo, bị hại xin giảm nhẹ cho các bị cáo, các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, ngoài ra bị cáo K tham gia dân quân hỏa tuyến. Vậy đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo K và bị cáo Đ được quy định tại điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 36 của Bộ luật Hình sự không cần cách ly bị cáo, xử phạt bị cáo K từ 12 đến 18 tháng cải tạo không giam giữ, bị cáo Đ từ 06 tháng đến 09 tháng cải tạo không giam giữ. Ghi nhận sự thỏa thuận giữa các bị cáo và bị hại về phần bồi thường dân sự, tổng số tiền phải bồi thường dân sự là 54.000.000 đồng (*Năm mươi tư triệu đồng*). Miễn án phí theo quy định pháp luật cho bị cáo K và bị cáo Đ.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã truy tố, nhất trí với bản luận tội của Kiểm sát viên và lời nói sau cùng của các bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Viện kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên của huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục của Bộ luật Tố tụng hình sự quy định. Giai đoạn điều tra cũng như tại phiên tòa những người tham gia tố tụng trong vụ án không có ý kiến, khiếu nại gì về hành vi, quyết định của các cơ quan, người tiến hành tố tụng. Do đó các chứng cứ, tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án là hợp pháp.

[2] Về căn cứ định tội, định khung hình phạt: Lời khai nhận tội của các bị cáo Lý Văn K, Lý Văn Đ, Lý Văn D, Lý Văn H, Đặng Văn N tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của các bị cáo tại giai đoạn điều tra (từ bút lục 340 đến bút lục 411), vật chứng của vụ án, lời khai của bị hại (từ bút lục 412 đến bút lục 424), phù hợp với biên bản kiểm đếm thiệt hại cây tre và cây keo (bút lục 138), kết luận định giá tài sản (bút lục 306), tài liệu xác định hiện trường (từ bút lục 288 đến bút lục 295), tài liệu thực nghiệm điều tra (từ bút lục 327 đến bút lục 339) cùng các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng từ 07 giờ đến 10 giờ ngày 07/7/2018, tại thôn P, xã H, huyện Q, tỉnh Hà Giang, Lý Văn K rủ Lý Văn Đ, Lý Văn D, Lý Văn H, Đặng Văn N hủy hoại tài sản

của ông Trương Văn T là 2000 cây chè (khoảng 22 năm tuổi), đường kính gốc từ 03cm đến 08cm, loại chè Trung Du và chè San Tuyết có giá trị 25.000.000 (*hai mươi lăm triệu*) đồng; 400 cây keo (khoảng 03 tháng tuổi), đường kính gốc 01cm đến 02cm, giống keo lai urom bằng hạt có giá trị 3.200.000đ (*ba triệu hai trăm nghìn đồng*). Tổng giá trị thiệt hại là 28.200.000đ (*hai mươi tám triệu hai trăm nghìn đồng*). Do vậy các bị cáo Lý Văn K rủ Lý Văn Đ, Lý Văn D, Lý Văn H, Đặng Văn N đã bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang truy tố về tội “Hủy hoại tài sản” theo khoản 1 điều 178 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Khoản 1 Điều 178 Bộ luật Hình sự quy định:

*"1. Người nào hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm..."*

[5] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo trong vụ án này, Hội đồng xét xử thấy rằng: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu đối với tài sản của người khác, gây mất trật tự tại địa phương. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhưng do coi thường kỷ cương, pháp luật nên đã hủy hoại tài sản của người khác trị giá là 28.200.000đ (*hai mươi tám triệu hai trăm nghìn đồng*) nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 178 của Bộ Luật hình sự như Viện kiểm sát đề nghị.

[6] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, trong vụ án này các bị cáo đều lần đầu phạm tội và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, trước khi mở phiên tòa, các bị cáo đã liên đới bồi thường số tiền 28.200.000đ (*hai mươi tám triệu hai trăm nghìn đồng*), theo kết luận định giá tài sản số 18/KL-HĐĐGTS ngày 05/7/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Bắc Quang cho bị hại, đồng thời trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa các bị cáo tỏ ra ăn năn, hối cải, các bị cáo là người dân tộc thiểu số, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 điều 51 của Bộ luật Hình sự. Ngoài ra bị cáo Lý Văn K là người tham gia dân quân hỏa tuyến nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 điều 51 của Bộ luật Hình. Do vậy, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử sẽ xem xét để giảm nhẹ phần nào trách nhiệm hình sự cho các bị cáo.

[7] Về nhân thân: Các bị cáo đều có nhân thân tốt.

[8] Về vai trò của các bị cáo trong vụ án đồng phạm: Nhận thấy đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo không có sự bàn bạc từ trước, chỉ bộc phát thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo Lý Văn K rủ các bị cáo Lý Văn Đ, Lý Văn D, Lý Văn H, Đặng Văn N, các bị cáo đã nghe bị cáo K rủ, rồi các bị cáo đã cùng nhau trực tiếp thực hiện hành vi hủy hoại tài sản của bị hại, cho nên bị cáo Lý Văn K phải chịu mức hình phạt cao nhất, các bị cáo Lý Văn Đ, Lý Văn D, Lý Văn H, Đặng Văn N cùng là

người thực hành và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân như nhau, nên mức hình phạt đối với các bị cáo Đ, D, H, N là như nhau.

[9] Nhận thấy, các bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, chưa có tiền án, tiền sự, các bị cáo có nơi cư trú ổn định, rõ ràng và luôn chấp hành tốt mọi chính sách pháp luật tại địa phương, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Sau khi xem xét tính chất mức độ phạm tội các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, hội đồng xét xử thấy mức hình phạt đại diện Viện Kiểm sát đề nghị áp dụng đối với các bị cáo trong vụ án là phù hợp, trong thời gian khởi tố, xét xử các bị cáo không có hành vi bỏ trốn hay có vi phạm pháp luật; có khả năng tự cải tạo, xét thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà xử phạt bị cáo K hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách theo quy định của pháp luật, giao bị cáo K cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú để giám sát giáo dục trong thời gian thử thách; xử phạt các bị cáo Đ, D, H, N loại hình phạt cải tạo không giam giữ, như vậy cũng đủ để giáo dục, cải tạo các bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội sau này, nó cũng thể hiện được tính nhân đạo và lượng khoan hồng của pháp luật Nhà nước ta.

[10] Thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ của các bị cáo Lý Văn Đ, Lý Văn D, Lý Văn H, Đặng Văn N tính từ ngày cơ quan giám sát, giáo dục nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao các bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Hảo, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ, gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp người chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ đi khỏi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

[11] Ngoài ra, xét thấy các bị cáo Lý Văn Đ, Lý Văn D, Lý Văn H, Đặng Văn N là lao động tự do, thu nhập không ổn định, nên miễn khấu trừ thu nhập theo quy định tại khoản 3 Điều 36 của Bộ luật Hình sự. Trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ, các bị cáo Lý Văn Đ, Lý Văn D, Lý Văn H, Đặng Văn N phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ. Thời gian lao động phục vụ cộng đồng không quá 04 giờ trong 01 ngày và không quá 05 ngày trong 01 tuần.

[12] Về hình phạt bổ sung: Lý Văn K, Lý Văn Đ, Lý Văn D, Lý Văn H, Đặng Văn N là lao động tự do, không có thu nhập ổn định, không có tài sản riêng có giá trị. Do đó, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[13] Về trách nhiệm dân sự: Sau khi sự việc xảy ra, bị hại và bị cáo không thỏa thuận được mức bồi thường. Tuy nhiên tại phiên tòa bị hại và các bị cáo đã thống nhất thỏa thuận được việc bồi thường, mức thỏa thuận các bị cáo phải liên đới bồi thường cho bị hại số tiền là 54.000.000đ (*Năm mươi tư triệu đồng*). Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu này là hợp pháp cần áp dụng khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự và các Điều 584, 585, 586, 587, 589 của Bộ luật Dân sự, ghi nhận sự thỏa thuận giữa các bị cáo và bị hại về phần bồi thường, sự thỏa thuận này là tự nguyện phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[14] Trước khi mở phiên tòa các bị cáo đã tự nguyện nộp số tiền 28.200.000đ (*hai mươi tám triệu hai trăm nghìn đồng*) tại Chi cục thi hành án huyện Bắc Quang

theo biên lai số 0001757 ngày 28/12/2022 nên số tiền này được trừ vào khoản tiền bồi thường của các bị cáo phải trả cho bị hại. Các bị cáo còn phải liên đới bồi thường tiếp số tiền là 25.800.000đ (Hai mươi lăm triệu tám trăm nghìn đồng) cho bị hại.

[15] Về xử lý vật chứng: Đối với 04 (bốn) con dao là công cụ các bị cáo Lý Văn Đ, Lý Văn D, Lý Văn H, Đặng Văn N khai nhận sử dụng để chặt phá cây chè hiện các bị cáo không nhớ đã vứt bỏ ở đâu nên quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bắc Quang không thu giữ được vật chứng, do vậy Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

[16] Đối với quan điểm của người bào chữa cho bị cáo Lý Văn K và bị cáo Lý Văn Đ, đề nghị xử phạt bị cáo K từ 12 đến 18 tháng cải tạo không giam giữ, bị cáo Đ từ 06 tháng đến 09 tháng cải tạo không giam giữ là chưa tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra. Bị cáo Lý Văn K là người rủ các bị cáo khác thực hiện hành vi, bị cáo Lý Văn Đ là người trực tiếp thực hiện hành vi hủy hoại tài sản của bị hại nên xét thấy mức hình phạt đại diện Viện kiểm sát đề nghị tại phiên tòa đối với các bị cáo là phù hợp.

[17] Về án phí: Các bị cáo Lý Văn H, Lý Văn D phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật. Đối với bị cáo Lý Văn K, Lý Văn Đ, Đặng Văn N thuộc hộ cận nghèo, các bị cáo có đơn xin miễn án phí nên được miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 178; Điều 17, Điều 65, Điều 50, Điều 58, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Lý Văn K;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 178; Điều 17, Điều 36, Điều 50, Điều 58, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Lý Văn Đ, Lý Văn D, Lý Văn H, Đặng Văn N;

Căn cứ khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự và các Điều 584, 585, 586, 587, 589 của Bộ luật Dân, khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 và Điều 337 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 23, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đối với các bị cáo Lý Văn H, Lý Văn D; căn cứ điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đối với các bị cáo Lý Văn K, Lý Văn Đ, Đặng Văn N.

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Lý Văn K, Lý Văn Đ, Lý Văn D, Lý Văn H, Đặng Văn N phạm tội “Hủy hoại tài sản”.

2. Về hình phạt:



+ Xử phạt bị cáo Lý Văn K 01 (Một) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (Hai) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Lý Văn K cho Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Hảo, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Luật thi hành án hình sự.

"Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo".

+ Xử phạt các bị cáo Lý Văn Đ, Lý Văn D, Lý Văn H, Đặng Văn N, mỗi bị cáo 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ của các bị cáo Lý Văn Đ, Lý Văn D, Lý Văn H, Đặng Văn N tính từ ngày cơ quan giám sát, giáo dục nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao các bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Hảo, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ, gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo. Trường hợp người chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ đi khỏi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 Luật Thi hành án hình sự năm 2019;

Miễn khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo Lý Văn Đ, Lý Văn D, Lý Văn H, Đặng Văn N. Trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ, các bị cáo Lý Văn Đ, Lý Văn D, Lý Văn H, Đặng Văn N phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ. Thời gian lao động phục vụ cộng đồng không quá 04 giờ trong 01 ngày và không quá 05 ngày trong một tuần.

3. Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa các bị cáo và bị hại về phần bồi thường. Buộc các bị cáo Lý Văn K, Lý Văn Đ, Lý Văn D, Lý Văn H, Đặng Văn N có trách nhiệm liên đới bồi thường cho bị hại Trương Văn T tổng số tiền là 54.000.000<sup>d</sup> (*Năm mươi tư triệu đồng*), được khấu trừ số tiền 28.200.000<sup>d</sup> (*Hai mươi tám triệu hai trăm nghìn đồng*) các bị cáo nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Quang thể hiện tại biên lai thu tiền số 0001757 ngày 28/12/2022. Các bị cáo còn phải liên đới bồi thường số tiền là 25.800.000<sup>d</sup> (*Hai mươi lăm triệu tám trăm nghìn đồng*), trong đó mỗi bị cáo phải chịu trách nhiệm bồi thường cho bị hại Trương Văn T số tiền 5.160.000<sup>d</sup> (*Năm triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng*).

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí: Các bị cáo Lý Văn D, Lý Văn H mỗi bị cáo phải chịu 200.000<sup>d</sup> (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 300.000<sup>d</sup> (*Ba trăm nghìn*

*đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch; các bị cáo Lý Văn K, Lý Văn Đ, Đặng Văn N được miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

***Nơi nhận:***

- Những người tham gia tố tụng;
- Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Bắc Quang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- UBKTHU Bắc Quang;
- Công an huyện Bắc Quang;
- UBND xã Vĩnh Hào;
- Chi cục THADS huyện Bắc Quang;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Giang;
- Lưu: HSVA, THA phạt tù.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hà Tuấn Vĩnh**